

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, 2, 7 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 113/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1963 và bà Trần Thị H, sinh năm 1962; Đều trú tại: Thôn M, xã V, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Ông Nguyễn Hữu N.

Bị đơn: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970; Đều trú tại: Thôn M, xã V, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Hà Tĩnh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Văn H2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, ông Bùi Trung H3 - Chuyên viên phòng kinh tế Ủy ban nhân dân xã V.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị H và bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị X thống nhất ranh giới giữa hai thửa đất số 218 tờ bản đồ số 9 được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất số BR 422424 ngày 26/12/2013, cập nhật biến động ngày 23/5/2024 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị H và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 9 được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất số DH 501984 ngày 19/7/2023 thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị X được xác định như sau: phần tường rào phía trước dài 11,5m là ranh giới sử dụng chung giữa hai thửa đất, đoạn tiếp theo từ mép tường

nhà tắm ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị H về hướng đông dài 7m thuộc quyền sử hữu của ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị H được sử dụng làm ranh giới, đoạn tường rào tiếp theo đến hết phần đất ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị Hồng D 11,7m là ranh giới sử dụng chung giữa hai thửa đất.

2.2. Công nhận quyền sử dụng diện tích thực tế của hai thửa đất như sau: Diện tích đất của ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị X là 1206,9m² (giảm 3,4m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích đất của ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị H là 858,6m² (giảm 29,6m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.3. Trên phần ranh giới giữa hai thửa đất không có tài sản tranh chấp.

2.4. Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động theo quy định tại Điều 133 Luật Đất đai năm 2024.

2.5. Về chi phí tố tụng và chi phí khác: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu một nửa chi phí đo vẽ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Các đương sự đã nộp đủ.

2.6. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N và bà Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng, ông Nguyễn Hữu N và bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV1 – Hà Tĩnh;
- THADS KV1 – Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Đào